



**ASSESSMENT OF THE IMPACT OF THE NEW RURAL PROGRAM TO IMPROVE
THE INCOME OF THE S'TIENG ETHNIC MINORITY HOUSEHOLDS
IN HUNG PHUOC COMMUNE, BU DOP DISTRICT, BINH PHUOC PROVINCE**

Pham Trung Hau^{1*}, Tran Hoai Nam¹

¹Nong Lam University

ARTICLE INFO	ABSTRACT
<p>DOI: 10.52932/jfm.vi71.288</p> <p><i>Received:</i> May 28, 2022</p> <p><i>Accepted:</i> September 13, 2022</p> <p><i>Published:</i> October 25, 2022</p> <p>Keywords: Multiple regression; New rural program; S'tieng ethnic minority; Income.</p>	<p>The nation target program on new rural development or called name the New Rural program, is a national main program for the years 2010 to 2020, with the goal of changing rural areas and improving people's material and spiritual lives, especially for ethnic minority groups. In this study, the multivariate regression model with the least square estimation (OLS) were used to the impact of the new rural program on improving the income of the S'tieng ethnic minority. The data was collected by surveying 200 S'tieng ethnic minority households. The research results show that the average income of S'tieng ethnic households is still lower (20,63 million VND/person/year) and the satisfaction level of households with criteria for new rural program is quite high (2,993 points to 4,205 points). In addition, the result of the regression model also shows that 11 factors improve the income of of S'tieng people's households, there are 6 influencing factors and all have positive effects, including: land area agriculture, number of members participating in income generation of the household, number of income generating activities of the household, participation in training in agricultural economics, degree of participation in the new rural program and participation in vocational training.</p>

*Corresponding author:

Email: 18120057@st.hcmuaf.edu.vn



ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI ĐẾN CẢI THIỆN THU NHẬP HỘ ĐỒNG BÀO DÂN TỘC S’TIÊNG TẠI XÃ HƯNG PHƯỚC, HUYỆN BÙ ĐỐP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Phạm Trung Hậu^{1*}, Trần Hoài Nam¹

¹Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>DOI: 10.52932/jfm.vi71.288</p> <p><i>Ngày nhận:</i> 28/05/2022</p> <p><i>Ngày nhận lại:</i> 13/09/2022</p> <p><i>Ngày đăng:</i> 25/10/2022</p> <p>Từ khóa: Chương trình nông thôn mới; Đồng bào dân tộc S’tiêng; Hồi quy đa biến; Thu nhập.</p>	<p>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hay gọi tắt là Chương trình nông thôn mới là một chương trình trọng điểm quốc gia được triển khai trong giai đoạn 2010-2020 nhằm thay đổi diện mạo nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, đặc biệt là nhóm đối tượng hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Trong nghiên cứu này, mô hình hồi quy đa biến với phương pháp bình phương bé nhất (OLS) được sử dụng nhằm mục tiêu đánh giá tác động của chương trình nông thôn mới đến cải thiện thu nhập hộ đồng bào dân tộc S’tiêng. Dữ liệu được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp 200 hộ đồng bào S’tiêng tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thu nhập bình quân đầu người trên hộ còn thấp (20,63 triệu đồng/người/năm) và mức độ hài lòng của hộ về các nhóm tiêu chí xây dựng nông thôn mới là khá cao (2,993 điểm đến 4,205 điểm). Bên cạnh đó, kết quả mô hình hồi quy đa biến đã chỉ ra, trong số 11 yếu tố ảnh hưởng đến cải thiện thu nhập hộ đồng bào S’tiêng thì có 6 yếu tố tác động tích cực đến mức tăng thu nhập như: diện tích đất nông nghiệp, số thành viên tham gia tạo thu nhập của hộ, số hoạt động tạo thu nhập của hộ, tham gia tập huấn kinh tế nông nghiệp, mức độ tham gia chương trình nông thôn mới và tham gia đào tạo nghề.</p>

1. Giới thiệu

Chương trình nông thôn mới là chương trình trọng điểm quốc gia, được thực hiện trên cả nước. Qua 10 năm triển khai (2010-2020), chương trình đã đạt được một số thành tựu: tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý

của Nhà nước, phát huy sức mạnh của đoàn thể chính trị - xã hội ở nông thôn; đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông nghiệp, nông thôn; xây dựng nền nông nghiệp đô thị theo hướng hiện đại, phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn; đẩy mạnh tạo nguồn nhân lực đột phá để hiện đại hoá nông nghiệp, công nghiệp hoá nông thôn, phát huy hiệu quả nguồn vốn ngân sách; đạt mục tiêu đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn được nâng cao (Lê Thanh Liêm, 2016). Chính vì

*Tác giả liên hệ:

Email: 18120057@st.hcmuaf.edu.vn

thế, việc xây dựng nông thôn mới là một vấn đề cấp thiết trong chiến lược phát triển dài hạn tại Việt Nam.

Trước khi thực hiện đề án xây dựng nông thôn mới, tỉnh Bình Phước gặp nhiều khó khăn, hạn chế làm cản trở quá trình phát triển kinh tế như nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất hạn chế, cơ sở hạ tầng vừa thiếu lại vừa yếu, nguồn nhân lực trình độ, kỹ năng và kỷ luật thấp, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, đời sống của một bộ phận đồng bào vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn (Nguyễn Minh Hà & Nguyễn Hữu Tịnh, 2010). Đến nay, toàn tỉnh có 3 địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, 60/90 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 8 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 13 thôn, ấp được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (Cổng thông tin điện tử Bình Phước, 2021). Qua đó, góp phần làm thay đổi rõ nét diện mạo vùng nông thôn với đường xá được trải nhựa, cơ sở vật chất tại các trường học được nâng cao, thu nhập người dân từng bước ổn định và bền vững, bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc ít người được bảo tồn và phát huy,... Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện triển khai chương trình nông thôn mới vẫn còn một số hạn chế và tồn tại như nhiều tiêu chí vẫn chưa sát với thực tế, huy động nguồn lực, tiến độ thực hiện còn chậm trễ,...những điều này ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống của người dân tại địa phương. Trong đó, nhóm đồng bào dân tộc S'tiêng là một trong những nhóm đối tượng có cải thiện đáng kể như trẻ em suy dinh dưỡng giảm, hệ thống đường xá tại khu vực sinh sống được nâng cấp, các hộ đồng bào dân tộc có công ăn việc làm,... Do vậy, nghiên cứu thực hiện đánh giá tác động của chương trình nông thôn mới đến cải thiện thu nhập của hộ đồng bào S'tiêng tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

2. Cơ sở lý thuyết

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là cuộc cách mạng nhằm rút ngắn khoảng cách giữa nông thôn với thành thị. Trong đó, để xã đạt chuẩn nông thôn mới thì phải đạt 5 nhóm tiêu chí, gồm 19 tiêu chí cụ thể: Quy hoạch và thực hiện quy hoạch, giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở

vật chất văn hóa, chợ nông thôn, bưu điện, nhà ở dân cư, thu nhập bình quân đầu người/năm, tỷ lệ hộ nghèo, cơ cấu lao động, hình thức tổ chức sản xuất, giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường, hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và an ninh, trật tự xã hội. Nhiều nghiên cứu được thực hiện trong thời gian qua chỉ ra chương trình nông thôn mới đã nâng cao đời sống người dân và giúp bộ mặt nông thôn đã dần thay đổi (Nguyễn Duy Cần và cộng sự, 2012), phát triển kinh tế của hộ (Võ Hồng Tú & Nguyễn Thùy Trang, 2020), tăng thu nhập (Dương Văn Chương, 2015; Nguyễn Thùy Trang và cộng sự, 2016; Trần Thanh Dũng & Nguyễn Ngọc Đệ, 2016), thúc đẩy khả năng tiếp cận vốn của hộ gia đình (Tô Ngọc Hưng & Nguyễn Đức Trung, 2017), bên cạnh những thành tựu đạt được vẫn còn nhiều bất cập về tiêu chí đánh giá, cách tiếp cận và triển khai chương trình (Đỗ Kim Chung & Kim Thị Dung, 2012; Dương Thị Bích Diệp, 2014).

Trong 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới, thu nhập được xem là tiêu chí quan trọng mang tính quyết định kết quả thực hiện chương trình nông thôn mới tại địa phương. Theo Singh và cộng sự (1986), thu nhập của hộ gia đình bao gồm thu nhập từ nông nghiệp và thu nhập từ phi nông nghiệp. Hiện nay, thu nhập của hộ đồng bào dân tộc ở nước ta vẫn còn thấp và chủ yếu đến từ hoạt động nông nghiệp (Lành Ngọc Tú & Đặng Thị Bích Huệ, 2020). Tuy nhiên, thu nhập của hộ vẫn có thể cải thiện nhờ tăng năng suất lao động (Park, 1992), tăng số lượng lao động (Abdulai & CroleRees, 2001; Yang, 2004), chủ động trước những rủi ro (Nguyễn Tuấn Kiệt & Nguyễn Tấn Phát, 2019). Ngoài ra, nhiều chương trình cũng tác động đến thu nhập như chương trình tín dụng nông thôn (Barslund & Tarp, 2008; Đinh Phi Hồ & Đông Đức, 2015), chương trình nông thôn mới (Dương Văn Chương, 2015; Nguyễn Thùy Trang và cộng sự, 2016).

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Nguồn số liệu

Theo nghiên cứu của Tabachnick và Fidell (1996), khi sử dụng các phương pháp hồi quy, kích thước mẫu cần thiết được tính theo công thức: $n \geq 50 + 8p$. Trong đó: n là kích thước

mẫu tối thiểu cần thiết, p là số lượng biến độc lập trong mô hình. Do đó, 11 biến độc lập trong mô hình nghiên cứu được đề xuất thì cỡ mẫu cần điều tra là $n \geq 50 + 8 \times 11 = 138$ quan sát. Trong khi đó, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát qua việc phỏng vấn trực tiếp 200 hộ đồng bào dân tộc S'tiêng trên địa bàn xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước thông qua bảng câu hỏi soạn sẵn. Nghiên cứu thực hiện khảo sát phần lớn chủ hộ tại nhà ở và một số địa điểm khác như: cổng trường, quán nước,... Phiếu khảo sát sẽ bị loại bỏ nếu chủ hộ không phải là người đồng bào dân tộc S'tiêng. Chính vì vậy, với lượng quan sát đạt 200 mẫu thì dữ liệu đã đủ điều kiện để sử dụng mô hình cho nghiên cứu. Các thông tin đã thu thập được tổng hợp, tính toán và phân tích bằng phần mềm Excel và SPSS 20. Ngoài ra, nghiên cứu còn thu thập các thông tin thứ cấp từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm các tài liệu, báo cáo thuộc UBND tỉnh

Bình Phước, UBND xã Hưng Phước, những công trình nghiên cứu về thu nhập cũng như về chương trình nông thôn mới được đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước.

3.2. Phương pháp phân tích

Nhằm đánh giá tác động của chương trình nông thôn mới đến mức tăng thu nhập hộ đồng bào S'tiêng tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước, phương pháp hồi quy tuyến tính đa biến được sử dụng. Mô hình nghiên cứu đề xuất như sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1.X_1 + \beta_2.X_2 + \beta_3.X_3 + \beta_4.X_4 + \beta_5.X_5 + \beta_6.X_6 + \beta_7.D_1 + \beta_8.D_2 + \beta_9.D_3 + \beta_{10}.D_4 + \beta_{11}.D_5$$

Trong đó:

Y: Mức cải thiện thu nhập hộ đồng bào S'tiêng (%)

Xi: Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ, cụ thể như trong bảng 1.

Bảng 1. Các biến độc lập và kỳ vọng dấu trong mô hình

Tên biến	ĐVT	Kỳ vọng dấu	Nguồn tham khảo
X ₁ (Tuổi chủ hộ)	Năm	(-)	Lakshmanan (2007), Mubin và cộng sự (2013).
X ₂ (Trình độ học vấn)	Năm	(+)	Võ Văn Tuấn và Lê Cảnh Dũng (2015), Tuyen (2015)
X ₃ (Diện tích đất nông nghiệp)	Ha	(+)	Huỳnh Thị Đan Xuân và Mai Văn Nam (2011), Võ Hồng Tú và Nguyễn Thuỳ Trang (2021)
X ₄ (Số lao động tham gia tạo thu nhập của hộ)	Người	(+)	Nguyễn Quốc Nghi và Bùi Văn Trịnh (2011), Võ Hồng Tú và Nguyễn Thuỳ Trang (2020)
X ₅ (Số hoạt động tạo thu nhập tăng thêm)	Số hoạt động	(+)	Nguyễn Quốc Nghi và Bùi Văn Trịnh (2011), Huỳnh Công Thiệu (2016)
X ₆ (Mức độ tham gia của hộ về chương trình NTM)	1: Không tham gia 2: Tham gia 3: Tham gia tích cực	(+)	Đề xuất của nhóm nghiên cứu
D ₁ (Giới tính chủ hộ)	1: Nam 0: Nữ	(+)	Nguyễn Minh Hà và Nguyễn Hữu Tịnh (2010), Tô Ngọc Hưng và Nguyễn Đức Trung (2017)
D ₂ (Vay vốn)	1: Có 0: Không	(+)	Nghiêm và cộng sự (2012), Tô Ngọc Hưng và Nguyễn Đức Trung (2017)
D ₃ (Tham gia tổ chức địa phương)	1: Có 0: Không	(+)	Nguyễn Thuỳ Trang và cộng sự (2016), Võ Hồng Tú và Nguyễn Thuỳ Trang (2020)

Tên biến	ĐVT	Kỳ vọng dấu	Nguồn tham khảo
D ₄ (Tham gia đào tạo nghề)	1: Có 0: Không	(+)	Trần Thanh Dũng và Nguyễn Ngọc Đệ (2016), Nguyễn Thuỳ Trang và cộng sự (2016)
D ₅ (Tham gia tập huấn kinh tế nông nghiệp)	1: Có 0: Không	(+)	Mai Đình Quý và cộng sự (2018), Nguyễn Tuấn Kiệt và Nguyễn Tấn Phát (2019)

Theo Đinh Phi Hồ (2014), để mô hình hồi đảm bảo khả năng tin cậy và hiệu quả, cần thực hiện 5 kiểm định: (1) Kiểm định tương quan từng phần của hệ số hồi quy, (2) Kiểm định mức độ giải thích và phù hợp của mô hình, (3) Kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến, (4) Kiểm

định hiện tượng tự tương quan, (5) Kiểm định hiện tượng phương sai phần dư thay đổi.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Đánh giá mức độ hài lòng của hộ đồng bào S'tiêng về chương trình NTM

4.1.1. Đặc điểm hộ điều tra

Bảng 2. Thông tin chung về hộ S'tiêng tham gia khảo sát

Chỉ tiêu	Tần số (Hộ)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu	Tần số (Hộ)	Tỷ lệ (%)
1. Giới tính chủ hộ			3. Trình độ học vấn		
Nam	122	61,00	Mù chữ	5	2,50
Nữ	78	39,00	Tiểu học	102	51,00
2. Tuổi chủ hộ			Trung học cơ sở	68	34,00
≤ 30 tuổi	46	23,00	Trung học phổ thông	17	8,50
30 tuổi – 40 tuổi	74	37,00	Trung cấp - Cao đẳng	8	4,00
40 tuổi – 50 tuổi	40	20,00	4. Quy mô sản xuất		
50 tuổi – 60 tuổi	22	11,00	≤ 3.000 m ²	47	23,50
> 60 tuổi	18	9,00	3.000 m ² – 10.000 m ²	116	58,00
			> 10.000 m ²	37	18,50

Kết quả điều tra đối tượng phỏng vấn cho thấy, 6,01% chủ hộ là nam và 39,0% chủ hộ là nữ. Trong mẫu nghiên cứu, chủ hộ nam giới chiếm đa số và là nguồn lao động chính của hộ. Điều này là phù hợp vì thu nhập của hộ đến từ sản xuất nông nghiệp và làm thuê. Những công việc này cần sức khỏe nên sẽ phù hợp với nam giới hơn nữ giới. Bên cạnh đó, độ tuổi của chủ hộ vẫn còn khá trẻ, chủ yếu dưới 40 tuổi chiếm 60,0%, từ 40 tuổi đến 50 tuổi chiếm 20,0% và 9,0% nằm ngoài độ tuổi lao động (trên 60 tuổi). Mặt khác, tỷ lệ mù chữ tại địa phương cơ bản được giải quyết với chỉ 2,5% chủ hộ không biết chữ. Tuy nhiên, trình độ học vấn vẫn còn thấp với 51,0% bậc tiểu học và 34,0% bậc trung học cơ sở. Đây được xem là một trong những khó

khăn khi thực hiện xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

Hoạt động sản xuất tại địa phương chủ yếu đến từ sản xuất nông nghiệp và những hộ đồng bào S'tiêng tại địa phương cũng không ngoại lệ. Tuy nhiên, quy mô sản xuất của hộ chủ yếu ở mức trung bình, từ 3.000 m² đến 10.000 m² chiếm 58%. Điều này được giải thích, do phần lớn hộ đồng bào sản xuất theo hình thức thủ công, ít hoặc không áp dụng kỹ thuật cao trong sản xuất nên việc quản lý quy mô vừa phải sẽ đạt hiệu quả cao hơn.

4.2.2. Đánh giá mức độ hài lòng của hộ đồng bào S'tiêng về chương trình nông thôn mới

Bảng 3. Mức độ hài lòng của hộ S'tiêng về chương trình nông thôn mới

Nhóm tiêu chí	Trung bình	Độ lệch chuẩn
Quy hoạch	3,426	0,867
Hạ tầng kinh tế - xã hội	4,205	0,714
Kinh tế và tổ chức sản xuất	2,993	0,811
Văn hóa xã hội và môi trường	3,970	0,702
Hệ thống chính trị	3,520	0,771

Chương trình nông thôn mới được xây dựng trên 5 nhóm tiêu chí (Quy hoạch; Hạ tầng kinh tế - xã hội; Kinh tế và tổ chức sản xuất; Văn hóa xã hội và môi trường; Hệ thống chính trị). Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert (5 mức độ) nhằm đánh giá mức độ hài lòng của hộ đồng bào S'tiêng về chương trình nông thôn mới tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp. Kết quả cho thấy, nhóm tiêu chí Hạ tầng kinh tế - xã hội có điểm đánh giá hài lòng cao nhất với 4,21 điểm, tiếp theo là nhóm tiêu chí Văn hóa xã hội và môi trường với 3,97 điểm. Điều này cho thấy, chương trình xây dựng nông thôn mới đã và đang cải thiện đời sống tinh thần cho những hộ đồng bào S'tiêng tại địa phương khi các tiêu chí gắn liền với đời sống của hộ dân như: Giao thông, thủy lợi, điện, trường học, y tế, văn hóa.

Mặt khác, nhóm tiêu chí về Hệ thống chính trị cho kết quả tương đối khả quan với 3,52 điểm. Các vấn đề liên quan tới an ninh, trật tự xã hội được cải thiện như tình trạng trộm, cắp, sử dụng chất kích thích đã giảm đáng kể. Tuy

nhiên, nhóm tiêu chí về quy hoạch cũng như kinh tế và tổ chức sản xuất có đánh giá không cao với số điểm lần lượt là 3,43 và 2,99. Điều này một phần do trong quá trình quy hoạch gặp nhiều khó khăn trong khâu giải phóng mặt bằng, làm ảnh hưởng tới đời sống và sinh hoạt của người dân. Trong khi các chỉ tiêu về thu nhập và tỷ lệ hộ nghèo, tổ chức sản xuất trong nhóm tiêu chí kinh tế và tổ chức sản xuất đã không đạt được kỳ vọng của người dân. Đặc biệt, công tác hoạt động của hợp tác xã tại địa phương không hiệu quả và thu nhập của hộ vẫn còn tương đối thấp so với thu nhập bình quân đầu người tại địa phương.

4.2. Đánh giá tác động của chương trình nông thôn mới đến mức tăng thu nhập của hộ đồng bào dân tộc S'tiêng tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

4.2.1. So sánh thu nhập của hộ đồng bào S'tiêng trước và sau khi thực hiện chương trình nông thôn mới

Bảng 4. Thu nhập bình quân trước và sau khi thực hiện chương trình nông thôn mới

DVT: Nghìn đồng/người/năm

Nguồn thu	Năm 2010		Năm 2021	
	Trung bình	Tỷ trọng (%)	Trung bình	Tỷ trọng (%)
Thu nhập	9.950		20.630	
Nông nghiệp	5.500	55,28	9.330	45,23
Trồng trọt	5.100	92,73	7.380	79,10
Chăn nuôi	400	7,27	1.950	20,90
Phi nông nghiệp	4.450	44,72	11.300	54,77
Buôn bán	650	14,61	1.360	12,04
Lương	280	6,29	930	8,23
Làm thuê	910	20,45	8.440	74,69
Thu từ rừng	2.610	58,65	570	5,04

Kết quả khảo sát cho thấy (Bảng 4), trong giai đoạn trước nông thôn mới thu nhập từ nông nghiệp của hộ chủ yếu đến từ trồng trọt chiếm 92,73% trong nguồn thu từ nông nghiệp và thu từ rừng chiếm 58,65% trong nguồn thu từ phi nông nghiệp. Giai đoạn này, trồng trọt của hộ tập trung vào cây lương thực và một số cây công nghiệp nhưng do sản xuất phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên nên năng suất thấp và thời gian còn lại trong năm thì các hộ đồng bào khai thác các đặc sản từ rừng.

Sau khi hoàn thành xây dựng nông thôn mới, thu nhập của hộ đã cải thiện rõ rệt đạt 20,63 triệu đồng/người/năm, tuy nhiên nguồn thu từ nông nghiệp đã không còn là thu nhập chính của hộ đồng bào S'tiêng (45,23%). Cụ thể, nguồn thu từ trồng trọt chỉ đạt 9,33 triệu đồng/người/năm, còn chăn nuôi là 1,95 triệu đồng/người/năm. Nguyên nhân được lý giải là

do hiệu quả sản xuất nông nghiệp không cao, gặp nhiều rủi ro trong quá trình sản xuất, giá đầu ra không ổn định nên các hộ dân hướng tới những công việc làm thuê nhằm đảm bảo nguồn thu nhập của gia đình. Tuy nhiên, việc làm thêm chủ yếu đến từ những công việc mang tính mùa vụ (phụ hồ, phun thuốc, nhật điều, hái tiêu) nên tình trạng thất nghiệp tạm thời diễn ra tương đối nhiều trong nhóm hộ đồng bào S'tiêng. Bên cạnh đó, nguồn thu từ rừng cũng ở mức thấp chiếm 5,04% nguồn thu nhập phi nông nghiệp. Một phần nguyên nhân là do tình trạng khai thác, sử dụng tài nguyên rừng không đi kèm cải tạo và khôi phục, dẫn đến nguồn tài nguyên dần cạn kiệt và giảm đáng kể thu nhập hộ đồng bào S'tiêng.

4.2.2. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ đồng bào dân tộc S'tiêng tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước

Bảng 5. Kết quả ước lượng mô hình hồi quy

Biến phụ thuộc: Thu nhập hộ đồng bào dân tộc S'tiêng	Hệ số hồi quy			Giá trị Sig.	VIF
	Chưa chuẩn hóa (B)	Sai số	Chuẩn hóa (Beta)		
Biến độc lập					
Tuổi chủ hộ	0,000	0,004	0,003	0,968	1,629
Trình độ học vấn	0,005	0,012	0,029	0,671	1,505
Diện tích đất nông nghiệp	0,229***	0,035	0,373	0,000	1,076
Số lao động tham gia tạo thu nhập	0,102***	0,033	0,190	0,002	1,250
Số hoạt động tạo thu nhập tăng thêm	0,091***	0,033	0,162	0,007	1,169
Mức độ tham gia của hộ về chương trình NTM	0,091*	0,053	0,104	0,084	1,183
Giới tính chủ hộ	0,039	0,081	0,029	0,628	1,153
Vay vốn	0,050	0,204	0,014	0,805	1,029
Tham gia tổ chức địa phương	0,064	0,129	0,044	0,622	2,578
Tham gia đào tạo nghề	0,160*	0,084	0,113	0,060	1,178
Tham gia tập huấn kinh tế nông nghiệp	0,337***	0,123	0,249	0,007	2,741
Hằng số	-0,484	0,329		0,143	
Chỉ số mô hình					
Số mẫu quan sát	200				
Hệ số R ²	0,432				
Hệ số R ² hiệu chỉnh	0,398				
F-statistic	12,974***				
Durbin – Watson	1,692				

Ghi chú: Ký hiệu ***, * lần lượt là mức ý nghĩa 1% và 10%.

Bảng 5 cho thấy, kết quả mô hình hồi quy được sử dụng nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức tăng thu nhập của hộ đồng bào S'tiêng tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. Hệ số R^2 của mô hình là 0,432 và Prob (F statistic) = 0,000 rất nhỏ so với mức ý nghĩa 5%. Điều này cho thấy, mô hình là phù hợp và các yếu tố trong mô hình giải thích được

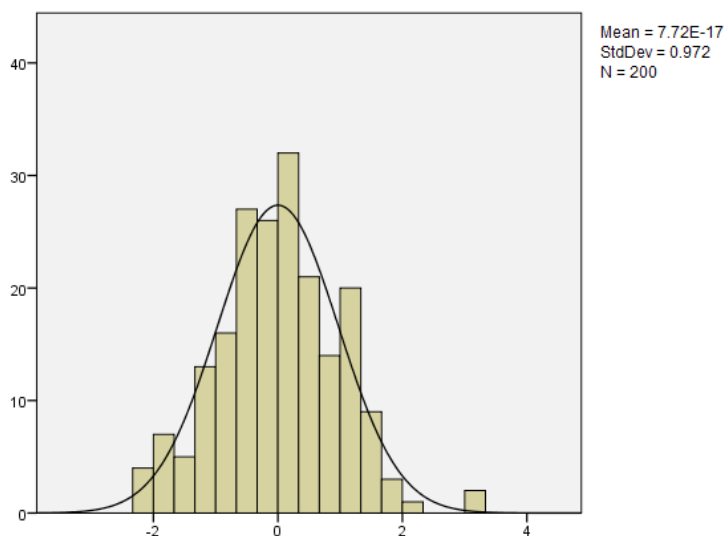
43,2% đến mức cải thiện thu nhập của hộ. Kết quả bảng trên cũng cho thấy, hệ số $1,5 < DW < 2,5$ (Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008) nên mô hình không có hiện tượng tự tương quan. Ngoài ra, hệ số VIF của tất cả 11 biến trong mô hình đều có giá trị < 10 (cao nhất là 2,741) nên mô hình cũng không có hiện tượng đa cộng tuyến.

Bảng 6. Kết quả phân tích tương quan

	X1	X2	X3	X4	X5	X6	D1	D2	D3	D4	D5
X1	1,000										
X2	-0,483	1,000									
X3	0,125	-0,033	1,000								
X4	0,363	-0,351	0,081	1,000							
X5	-0,217	-0,002	0,031	0,011	1,000						
X6	-0,207	0,276	-0,053	-0,131	0,032	1,000					
D1	0,327	-0,234	0,042	0,207	-0,094	-0,073	1,000				
D2	-0,020	-0,051	0,053	0,027	0,003	0,058	0,009	1,000			
D3	-0,038	-0,019	0,132	0,005	0,125	0,208	0,073	0,110	1,000		
D4	-0,121	0,067	0,089	0,015	0,158	-0,011	-0,063	0,091	0,319	1,000	
D5	-0,105	-0,063	0,169	0,072	0,276	0,202	0,045	0,109	0,763	0,304	1,000

Kết quả phân tích tương quan Pearson (Bảng 6) cho thấy, hệ số tương quan giữa các biến trong mô hình đều nhỏ hơn 0,5 (cao nhất là

-0,483). Điều này cho thấy, các biến này không có tương quan với nhau và có ý nghĩa thống kê.



Hình 1. Tần số của phần dư chuẩn hóa

Nhằm đảm bảo mô hình được thực hiện bằng phương pháp ước lượng bình phương bé nhất (OLS) thỏa điều kiện giả thiết phương sai có phân phối chuẩn. Kết quả thống kê phần dư (Hình 1) cho thấy, phân phối phần dư xấp xỉ chuẩn (Std. Residual) với trung bình (Mean) = $7,72E^{-17}$ (gần bằng 0) và độ lệch chuẩn (Std. Deviation) = 0,972 (xấp xỉ bằng 1). Do đó, có thể kết luận rằng, giả thiết phân phối chuẩn không bị vi phạm trong quá trình sử dụng phương pháp hồi quy.

4.2.3. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Trong số 11 biến được sử dụng trong mô hình thì có 6 biến có ý nghĩa thống kê, trong đó: 4 biến có độ tin cậy 99% là diện tích đất nông nghiệp, số thành viên tham gia tạo thu nhập của hộ, số hoạt động tạo thu nhập của hộ, tham gia tập huấn kinh tế nông nghiệp; 2 biến mức độ tham gia chương trình nông thôn mới, tham gia đào tạo nghề có độ tin cậy 90% và 5 biến không có ý nghĩa thống kê, đó là tuổi chủ hộ, trình độ học vấn, giới tính, vay vốn, tổ chức xã hội. Các biến được giải thích như sau:

Biến diện tích đất nông nghiệp có hệ số $\beta_3 = 0,229$, cùng dấu kỳ vọng và có mức ý nghĩa 1%. Nghĩa là trong trường hợp các yếu tố khác không đổi, nếu diện tích đất nông nghiệp tăng một ha thì thu nhập của hộ sẽ tăng 22,9%. Điều này phù hợp với nghiên cứu của Phạm Tấn Hòa (2014) Trần Thanh Dũng và Nguyễn Ngọc Đệ (2016), Lâm Văn Siêng (2021), Nguyễn Tuấn Kiệt và cộng sự (2021), Võ Hồng Tú và Nguyễn Thùy Trang (2021), diện tích đất sản xuất tác động tích cực đến thu nhập hộ. Quá trình nghiên cứu cũng cho kết quả tương tự, vì hoạt động sản xuất ở địa phương vẫn phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp (cây điều, cây tiêu, cây cao su,...) nên khi quy mô sản xuất nông nghiệp tăng thì sẽ góp phần làm tăng thu nhập của hộ.

Số thành viên tham gia tạo thu nhập có hệ số $\beta_4 = 0,102$ có cùng dấu kỳ vọng và ý nghĩa ở mức 1%. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi hộ có thêm một thành viên tham gia vào hoạt động sản xuất thì thu nhập của hộ sẽ tăng 10,2%. Kết quả nghiên cứu của Abdulai và CroleRees (2001), Yang (2004), Dương Văn Chương (2015), Võ Thành Khởi (2015), Huỳnh Công Thiệu (2016), Lâm Văn Siêng (2021) và Võ Hồng Tú và Nguyễn Thùy Trang (2021)

cũng cho kết quả tương tự, quy mô hộ có ảnh hưởng tích cực đến thu nhập của hộ. Điều này phù hợp với thực tế, số thành viên tham gia tạo thu nhập tăng thì tỷ lệ phụ thuộc của hộ sẽ giảm từ đó làm tăng thu nhập của hộ.

Số hoạt động tạo thu nhập của hộ có mức ý nghĩa 1% và hệ số $\beta_5 = 0,091$ cùng dấu kỳ vọng. Nghĩa là trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi số hoạt động tạo thu nhập của hộ tăng thêm một hoạt động thì thu nhập của hộ sẽ tăng lên 9,08%. Nguyễn Quốc Nghi và Bùi Văn Trịnh (2011), Võ Thành Khởi (2015) và Huỳnh Công Thiệu (2016) cũng nhận định rằng, số hoạt động thu nhập có tỷ lệ thuận với thu nhập của hộ. Tuy nhiên, mức tăng này là không đáng kể, bởi vì trong quá trình khảo sát thực tế cho thấy các hoạt động chủ yếu là làm thuê, làm mướn theo thời vụ (nhặt điều, hái tiêu, phun thuốc,...). Chính vì vậy, cần có những chính sách phù hợp tạo công ăn việc làm lâu dài, bền vững thì thu nhập của hộ mới đảm bảo và ổn định trong dài hạn.

Mức độ tham gia chương trình nông thôn mới có hệ số $\beta_6 = 0,091$, mức ý nghĩa 10% và cùng dấu với kỳ vọng. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi mức độ tham gia chương trình nông thôn mới tăng lên thì thu nhập của hộ sẽ được cải thiện là 9,1%. Tinh thần tự nguyện của những hộ tham gia là yếu tố tiên quyết góp phần thực hiện các chỉ tiêu hoàn thành đúng tiến độ. Sự đóng góp về vật chất cũng như tinh thần, tuy ít hay nhiều đều góp phần vào công cuộc xây dựng một nông thôn phát triển và vững mạnh. Tuy mức độ cải thiện thu nhập hộ không cao nhưng phần nào phản ánh được sự đóng góp của những hộ đồng bào dân tộc S'tiêng nói chung và những hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại xã Hưng Phước nói riêng vào công cuộc xây dựng đất nước sẽ kéo theo sự cải thiện đời sống của họ.

Tham gia đào tạo nghề cùng dấu với kỳ vọng với hệ số $\beta_{10} = 0,160$ tại mức ý nghĩa 10%. Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, nếu hộ tham gia hoạt động đào tạo nghề của địa phương thì thu nhập của hộ sẽ cao hơn hộ không tham gia đào tạo nghề 16,0%. Nghiên cứu của Hứa Thị Phương Chi và Nguyễn Minh Đức (2016), Trần Thanh Dũng và Nguyễn Ngọc Đệ (2016), Lữ Hoàng Khởi (2017) và Bùi Hoàng

(2018) cũng cho kết quả tương tự. Kết quả của nghiên cứu cũng cho thấy, tác động tích cực của hoạt động đào tạo nghề tại địa phương khi hướng đến mọi đối tượng, lứa tuổi với tâm thế dễ tiếp cận nhưng vẫn đảm bảo tính ổn định và dài lâu.

Việc tham gia tập huấn kinh tế nông nghiệp có ý nghĩa ở mức 1%, cùng dấu với kỳ vọng và hệ số $\beta_{11} = 0,337$. Tức là trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, nếu hộ tham gia tập huấn kinh tế nông nghiệp thì thu nhập của hộ sẽ cao hơn hộ không tham gia tập huấn 33,7%. Kết quả của nghiên cứu là phù hợp vì theo Le Dang và cộng sự (2014) công tác khuyến nông là vô cùng quan trọng cho những chiến lược thích ứng thành công của hộ. Dương Văn Chương (2015) cho rằng, việc tập huấn kinh tế nông nghiệp giúp hộ học hỏi cũng như ứng dụng những kỹ thuật mới. Nguyễn Tuấn Kiệt và cộng sự (2021) chỉ ra công tác khuyến nông tác động tích cực đến thu nhập của hộ và có vai trò quan trọng để nâng cao khả năng ứng phó rủi ro cho hộ.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

5.1. Kết luận

Nông thôn mới là chương trình trọng điểm nhằm phát triển toàn diện khu vực nông thôn và cải thiện thu nhập là một trong những nội dung quan trọng trong nhóm tiêu chí Kinh tế và tổ chức sản xuất. Do vậy, việc đánh giá tác động của chương trình nông thôn mới đến mức tăng thu nhập của người dân là việc cần thiết, đặc biệt đối với đồng bào dân tộc S'tiêng trên địa bàn xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. Điều này là tiền đề cho việc thực hiện nông thôn mới nâng cao, bền vững tại địa phương. Nghiên cứu thực hiện đánh giá tác động của chương trình nông thôn mới đến cải thiện thu nhập hộ đồng bào dân tộc S'tiêng tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. Nhìn chung, mức độ hài lòng của hộ đồng bào S'tiêng về các nhóm tiêu chí trong chương trình nông thôn mới trên địa bàn được đánh giá khá cao với mức điểm số từ 2,993 đến 4,205. Trong đó, nhóm tiêu chí hạ tầng kinh tế - xã hội được đánh giá cao nhất (4,205) và mức đánh giá thấp nhất là nhóm tiêu chí kinh tế và tổ chức sản xuất (2,993). Bên cạnh đó, thu nhập

trung bình của hộ đồng bào cải thiện đáng kể từ 9,95 triệu đồng/người/năm lên 20,63 triệu đồng/người/năm (2010 - 2021). Mặt khác, kết quả nghiên cứu còn cho thấy các yếu tố có ảnh hưởng đến mức tăng thu nhập hộ đồng bào S'tiêng, tuy nhiên có 6 yếu tố tác động tích cực gồm diện tích đất nông nghiệp, số thành viên tham gia tạo thu nhập của hộ, số hoạt động tạo thu nhập của hộ, tham gia tập huấn kinh tế nông nghiệp, mức độ tham gia chương trình nông thôn mới và tham gia đào tạo nghề.

5.2. Hàm ý chính sách

Chương trình nông thôn mới được thực hiện đã góp phần cải thiện đời sống của người dân đồng bào S'tiêng tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, kết quả thực hiện chương trình đối với nhóm hộ này chưa cao. Chính vì vậy, nhóm nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao thu nhập hộ đồng bào S'tiêng như sau:

Giải quyết vấn đề việc làm từ đào tạo nghề, quá trình xây dựng nông thôn mới đã chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ tại địa phương. Chính vì vậy, các hộ dân đang gặp khó khăn trong việc thích ứng và tìm kiếm cho mình công việc phù hợp. Đặc biệt, khó khăn của những hộ đồng bào S'tiêng tại địa phương là trình độ học vấn không cao, tay nghề thấp. Chính vì vậy, để đảm bảo tính bền vững trong thu nhập của hộ thì chính quyền địa phương cần có những khảo sát, đánh giá tính khả thi của những chương trình đào tạo nghề trong thời gian tới. Vì đây được xem là yếu tố quan trọng trong việc cải thiện thu nhập của hộ đồng bào S'tiêng.

Duy trì hoạt động sản xuất nông nghiệp, bên cạnh hoạt động đào tạo nghề tại địa phương, các cấp chính quyền vẫn phải quan tâm tới hoạt động sản xuất nông nghiệp của những hộ đồng bào S'tiêng. Tuy rằng, tỷ trọng thu nhập trong nông nghiệp đã giảm nhưng vẫn là nguồn thu quan trọng trong hoạt động sản xuất của hộ. Chính vì vậy, các cấp chính quyền cần khuyến khích, vận động người dân “duy trì” diện tích đất sản xuất nông nghiệp của hộ. Ngoài ra, tình trạng đất trống, đất bỏ hoang vẫn còn tồn tại tại một số khu vực, nên việc tận dụng nguồn đất này đối với nhóm đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số là rất cần thiết. Vậy nên, cần có những

chính sách phù hợp của các cấp chính quyền nhằm hỗ trợ những hộ đồng bào S'tiêng có nhu cầu sản xuất nông nghiệp từ nguồn này.

Công tác khuyến nông, tập huấn nông nghiệp là một giải pháp rất hữu hiệu đối với hoạt động sản xuất tại các vùng nông thôn nước ta. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương còn kém, kiến thức của những hộ đồng bào S'tiêng vẫn rất hạn chế nên công tác này cần phải đi từ thấp lên cao, đi từ cơ bản lên hiện đại. Vì vậy, cần sự tìm hiểu kỹ càng của chính quyền địa phương khi đưa các ứng dụng, khoa học kỹ thuật vào thực tế sản xuất. Đặc biệt, các cấp chính quyền phải là cầu nối, liên kết sản xuất của những hộ dân với các tổ hợp tác, hợp tác xã, câu lạc bộ khuyến nông và có những kết quả thực tiễn của công tác khuyến nông, tập huấn tại địa phương. Chỉ khi đó, họ mới thực sự tin tưởng và thực hiện theo đúng hướng dẫn.

5.3. Hạn chế nghiên cứu

Thứ nhất, số liệu nghiên cứu được thu thập vào tháng 11/2021 – 12/2021, khoảng thời gian này kinh tế của địa phương nói chung vẫn đang bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 nên nguồn thu nhập của hộ đồng bào S'tiêng cũng bị ảnh hưởng đáng kể. *Thứ hai*, Nhóm thực hiện xác nhận độ tin cậy về thu nhập là không cao. Trong quá trình khảo sát, nhóm có liên hệ với chính quyền địa phương xã về nội dung của nghiên cứu và được giải đáp thắc mắc về thu nhập bình quân của xã đầu giai đoạn xây dựng nông thôn mới. Đây cũng là căn cứ để nhóm xem xét dữ liệu về thu nhập năm 2010. Từ đó đánh giá mức độ cải thiện của hộ. *Thứ ba*, mức độ giải thích của mô hình chưa cao chỉ đạt 43,2%. Như vậy, vẫn còn tồn tại các biến độc lập khác ngoài mô hình tác động đến thu nhập của hộ đồng bào S'tiêng. Chính vì vậy, trong các nghiên cứu sau cần bổ sung thêm các biến quan sát khác nhằm khắc phục hạn chế của nghiên cứu này.

Tài liệu tham khảo

- Abdulai, A., & CroleRees, A. (2001). Determinants of income diversification amongst rural households in Southern Mali. *Food Policy*, 26(4), 437-452.
- Barslund, M., & F. Tarp (2008). Formal and informal credit in four provinces of Vietnam. *Journal of Development Studies*, 44(4), 485-503.
- Bùi Hoàng (2018). *Phân tích ảnh hưởng của đào tạo nghề nông nghiệp đến thu nhập của hộ nông dân trên địa bàn huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai*. Trường Đại học Kinh tế TP HCM.
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Phước (2021). 90 xã xây dựng nông thôn mới đạt trung bình 17,46 tiêu chí/xã. <https://binhphuoc.gov.vn/vi/news/tin-tuc-su-kien-421/90-xa-xay-dung-nong-thon-moi-dat-trung-binh-17-46-tieu-chi-xa-24880.html>
- Dương Thị Bích Diệp (2014). Chương trình xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, 8(81), 61-69.
- Dương Văn Chương (2015). *Phân tích thu nhập của hộ nông dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre trong quá trình xây dựng nông thôn mới*. Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đình Phi Hồ (2014). *Phương pháp nghiên cứu kinh tế và viết luận văn thạc sĩ*. Nhà xuất bản Phương Đông.
- Đình Phi Hồ và Đông Đức (2015). Tác động của tín dụng chính thức đến thu nhập của nông hộ ở Việt Nam. *Tạp chí Phát triển kinh tế*, 26(2), 65-82.
- Đỗ Kim Chung và Kim Thị Dung (2012). Chương trình nông thôn mới ở Việt Nam - Một số vấn đề đặt ra và kiến nghị. *Tạp chí Phát triển kinh tế*, 26(2), 03-10.
- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2005). *Phân tích dữ liệu với SPSS*. Nhà xuất bản Thống kê.
- Huỳnh Công Thiệu (2016). *Các nhân tố tác động đến thu nhập hộ gia đình: Trường hợp hộ đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau*. Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
- Huỳnh Thị Đan Xuân và Mai Văn Nam (2011). Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ chăn nuôi gia cầm ở Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 17(B), 87-96.
- Hứa Thị Phương Chi và Nguyễn Minh Đức (2016). Những nhân tố ảnh hưởng đến đa dạng hóa thu nhập của nông hộ ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học – Đại học Văn Hiến*, 4(3), 46-54.
- Lakshmanan, S. (2007). Yield gaps in mulberry sericulture in Karnataka: An Econometric Analysis. *Indian Journal of Agricultural Economics*, 62(4), 623-636.

- Lành Ngọc Tú và Đặng Thị Bích Huệ (2020). Hoạt động sinh kế chính của hộ gia đình trên địa bàn huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên*, 225(10), 106-112.
- Lâm Văn Siêng (2021). Những yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ nông dân trồng lúa tại huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing*, 64(4), 66-78.
- Le Dang, H., Li, E., Nuberg, I., & Bruwer, J. (2014). Farmers' assessments of private adaptive measures to climate change and influential factors: a study in the Mekong Delta, Vietnam. *Natural Hazards*, 71(1), 385-401.
- Lê Thanh Liêm (2016). Bài học kinh nghiệm Thành Phố Hồ Chí Minh trong việc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở TP HCM*, 12(1), 46-52.
- Lữ Hoàng Khởi (2017). *Đánh giá tác động của đào tạo nghề đến thu nhập của hộ gia đình ở nông thôn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang*. Trường Đại học Kinh tế TP HCM.
- Mai Đình Quý, Phạm Thị Thùy Chinh, Lê Na, Phạm Thu Phương, Đặng Thanh Tùng và Châu Tấn Lực (2018). Phân tích hiệu quả sử dụng nước trong canh tác nho tại tỉnh Ninh Thuận. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển*, 17(2), 26-32.
- Mubin, S., Ahmed, M., Mubin, G., & Majeed, M. A. (2013). Impact evaluation of development projects: A case study of project Development of sericulture activities in Punjab. *Pakistan Journal of Science*, 65(2), 263-268.
- Nghiêm, S., Coelli, T., & Rao, P. (2012). Assessing the welfare effects of microfinance in Vietnam: Empirical results from a quasi-experimental survey. *Journal of Development Studies*, 48(5), 619-632.
- Nguyễn Duy Cần, Trần Duy Phát, Phạm Văn Trọng Tính và Lê Sơn Trang (2012). Đánh giá và huy động các nguồn lực của cộng đồng trong quá trình xây dựng nông thôn mới tại xã Vĩnh Viễn, Hậu Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 24(B), 199-209.
- Nguyễn Minh Hà và Nguyễn Hữu Tịnh (2010). Các yếu tố tác động đến tình trạng nghèo của hộ gia đình ở nông thôn (Trường hợp tỉnh Bình Phước). *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở TP HCM*, 5(2), 38-49.
- Nguyễn Quốc Nghi và Bùi Văn Trịnh (2011). Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người dân tộc thiểu số ở Đồng Bằng Sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 18(A), 240-250.
- Nguyễn Tuấn Kiệt và Nguyễn Tấn Phát (2019). Ứng phó của nông dân đối với rủi ro trong sản xuất nông nghiệp tại thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 55, 135-147. Doi:10.22144/ctu.jsi.2019.089
- Nguyễn Tuấn Kiệt, Hồ Hữu Phương Chi, Từ Minh Lý và Trịnh Công Đức (2021). Chiến lược ứng phó với rủi ro ảnh hưởng đến thu nhập của hộ nuôi thủy sản ở đồng bằng Sông Cửu Long. *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, 289, 94-103.
- Nguyễn Thùy Trang, Trương Thảo Nhi và Võ Hồng Tú (2016). Đánh giá tác động của chương trình xây dựng nông thôn mới đến thu nhập nông hộ tại tỉnh Hậu Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 46(D), 116-121.
- Park, S. S. (1992). *Tăng trưởng và phát triển [Growth and development]*. Hanoi, Vietnam: Viện nghiên cứu quản lý Trung Ương, Trung tâm thông tin - tư liệu.
- Phạm Tấn Hòa (2014). *Phân tích thu nhập của hộ gia đình khu vực Đồng Tháp Mười, tỉnh Long An*. Luận văn Thạc sĩ Kinh tế, Trường Đại học Mở TP HCM.
- Singh, I., L.Squire & J.Strauss. (1986). *Agricultural household models: Extensions, applications, and policy*. The World Bank.
- Tabachnick, B. G., & Fidell, L. S. (1996). *Using multivariate statistics* (3rd ed.). New York: HarperCollins.
- Tô Ngọc Hưng và Nguyễn Đức Trung (2017). Phân tích các yếu tố tác động đến quy mô vay vốn của hộ gia đình khu vực nông thôn mới. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, 60(4), 6-12.
- Tuyen, T. Q. (2015). Socio-economic determinants of household income among ethnic minorities in the North-West Mountains, Vietnam. *Croatian Economic Survey*, 17(1), 139-159.
- Trần Thanh Dũng và Nguyễn Ngọc Đệ (2016). Sinh kế của thanh niên trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 44(C), 106-113.
- Võ Hồng Tú và Nguyễn Thùy Trang (2020). Vai trò của chương trình xây dựng nông thôn mới trong phát triển kinh tế hộ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 56(D), 266-273.
- Võ Hồng Tú và Nguyễn Thùy Trang (2021). Vốn sinh kế và giải pháp nâng cao thu nhập cho nông hộ trên địa bàn xây dựng nông thôn mới tỉnh Hậu Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh – Khoa học Xã hội*, 16(2), 20-35.
- Võ Thành Khởi (2015). Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ở huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Trà Vinh*, 18, 59-65.
- Võ Văn Tuấn và Lê Cảnh Dũng (2015). Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sinh kế của nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 38, 120-129.
- Yang, D.T. (2004). Education and allocative efficiency: household income growth during rural reforms in China. *Journal of Development Economics*, 74(1), 137-162.